BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143 /QĐ-ĐHKTQD	*Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ "Kỹ năng tin học NEU – Chuẩn IC3"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 1714/QĐ-ĐHKTQD ngày 11 tháng 11 năm 2010 của Hiệu trưởng về việc thành lập Viện Công nghệ Thông tin Kinh tế trực thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Quyết định số 01/QĐ-ĐHKTQD ngày 04 tháng 01 năm 2016 về việc ban hành Quy định về quản lý đào tạo ngắn hạn của Trường ĐH KTQD;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Phát triển phần mềm ứng dụng và đào tạo ngắn hạn Công nghệ thông tin trực thuộc Viện Công nghệ Thông tin Kinh tế;

Căn cứ vào quyết định số 106/QĐ-ĐHKTQD ngày 10 tháng 04 năm 2017 của Hiệu trưởng về việc tổ chức thi "Kỹ năng tin học NEU – Cuẩn IC3";

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp và Giám đốc trung tâm Phát triển phần mềm ứng dụng và đào tạo ngắn hạn Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết thi và cấp chứng chỉ "Kỹ năng tin học NEU – Chuẩn IC3" của Trường Đại học Kinh tế quốc dân cho 142 học viên kỳ thi ngày 07 tháng 05 năm 2017 do Trung tâm Phát triển phần mềm ứng dụng và đào tạo ngắn hạn Công nghệ thông tin tổ chức thi tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân *(có danh sách học viên và kết quả kèm theo)*

Điều 2. Giao cho Trung tâm PTPMUD & ĐTNHCNTT- Viện CNTTKT quản lý và tổ chức cấp phát chứng chỉ cho học viên theo đúng các Quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Tổng hợp, Trung tâm PTPMUD & ĐTNHCNTT- Viện CNTTKT và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Lưu: P.TH, TT.PTPMUD&ĐTNH CNTT.	**KT.HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN **PGS.TS Trần Thị Vân Hoa**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KINH TẾ
Trung tâm PTPMUD & ĐTNH CNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ "KỸ NĂNG TIN HỌC NEU - CHUẨN IC3"

Thi ngày 07/05/2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 143 /QĐ-ĐHKTQD ngày 19 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân)

STT	Số vào sổ	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	229/Q4	Đỗ Thị	Ánh	9/11/1986	Nữ	Hà Nội	Giỏi
2	230/Q4	Trần Thị Ngọc	Anh	19/01/1992	Nữ	Nam Định	Giỏi
3	231/Q4	Trần Thị Vân	Anh	13/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	Giỏi
4	232/Q4	Nguyễn Quốc	Anh	24/9/1987	Nam	Hà Nội	Khá
5	233/Q4	Lâm Phương	Anh	08/09/1988	Nữ	Thái Nguyên	Khá
6	234/Q4	Đinh Thị Vân	Anh	02/12/1980	Nữ	Hà Nội	Giỏi
7	235/Q4	Hoàng Thế	Bằng	19/02/1990	Nam	Bắc Giang	Trung Bình
8	236/Q4	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	05/01/1985	Nữ	Bắc Ninh	Giỏi
9	237/Q4	Nông Đường	Bích	01/10/1978	Nữ	Lạng SƠn	Giỏi
10	238/Q4	Trần Ngọc	Chính	09/09/1974	Nam	Thái Bình	Giỏi
11	239/Q4	Nguyễn Văn	Chung	26/08/1977	Nam	Hà Nội	Trung Bình
12	240/Q4	Nguyễn Viết	Cường	14/8/1988	Nam	Thái Bình	Trung Bình
13	241/Q4	Nguyễn Văn	Cường	13/12/1984	Nam	Hải Dương	Khá
14	242/Q4	Hữu Minh	Cường	18/08/1984	Nam	Hà Nội	Khá
15	243/Q4	Vũ Đức	Đại	30/08/1984	Nam	Yên Bái	Trung Bình
16	244/Q4	Nguyễn Đăng	Đông	02/09/1977	Nam	Thanh Hóa	Khá
17	245/Q4	Trần Minh	Đức	17/02/1995	Nam	Hà Nội	Khá
18	246/Q4	Đoàn Hữu	Dũng	5/5/1989	Nam	Hưng Yên	Khá
19	247/Q4	Ngô Đại	Dũng	03/09/1987	Nam	Phú Thọ	Giỏi
20	248/Q4	Nguyễn Quỳnh	Dương	04/05/1991	Nam	Thái Nguyên	Trung Bình
21	249/Q4	Nguyễn Quang	Dương	29/12/1993	Nam	Hà Nội	Khá
22	250/Q4	Hoàng Thị	Êm	25/04/1983	Nữ	Hà Nội	Giỏi
23	251/Q4	Nguyễn Thị Hương	Giang	18/01/1984	Nữ	Bắc Giang	Khá
24	252/Q4	Nguyễn Quang	Giang	16/07/1979	Nam	Bắc Giang	Khá
25	253/Q4	Nguyễn Thị Dân	Hà	1/4/1980	Nữ	Hải Dương	Giỏi
26	254/Q4	Trần Thị Thu	Hà	02/07/1983	Nữ	Hà Nội	Giỏi
27	255/Q4	Nguyễn Minh	Hà	07/03/1991	Nữ	Hà Nội	Trung Bình
28	256/Q4	Vũ Thị Hồng	Hà	26/09/1983	Nữ	Hà Nội	Khá
29	257/Q4	Trương Thị	Hạ	09/01/1978	Nữ	Hải Dương	Trung Bình
30	258/Q4	Nguyễn Thị	Hải	26/06/1991	Nữ	Bắc Ninh	Trung Bình

31	259/Q4	Nguyễn Thị	Hằng	08/06/1993	Nữ	Thái Bình	Trung Bình
32	260/Q4	Thân Thị	Hằng	28/02/1987	Nữ	Bắc Giang	Giỏi
33	261/Q4	Hà Thị Thu	Hằng	01/12/1986	Nữ	Phú Thọ	Trung Bình
34	262/Q4	Đỗ Thị	Hào	25/10/1983	Nữ	Hà Nội	Khá
35	263/Q4	Võ Đức	Hào	29/9/1970	Nam	Quảng Bình	Khá
36	264/Q4	Nguyễn Thị	Hiền	9/12/1990	Nữ	Bắc Ninh	Trung Bình
37	265/Q4	Trương Thị Thu	Hiền	01/09/1982	Nữ	Hà Nam	Trung Bình
38	266/Q4	Phạm Đức	Hiệp	20/6/1987	Nam	Ninh Bình	Trung Bình
39	267/Q4	Trần Văn	Hiếu	20/02/1982	Nam	Hà Nội	Trung Bình
40	268/Q4	Nguyễn Duy	Hiển	18/11/1980	Nam	Phú Thọ	Trung Bình
41	269/Q4	Phan Thị	Hòa	24/04/1989	Nữ	Hà Tĩnh	Trung Bình
42	270/Q4	Nguyễn Thanh	Hoan	04/10/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	Trung Bình
43	271/Q4	Lương Mạnh	Hưng	13/08/1984	Nam	Thanh Hóa	Khá
44	272/Q4	Nguyễn Minh	Hưng	22/05/1970	Nam	Hà Nội	Trung Bình
45	273/Q4	Vũ Mạnh	Hưng	25/02/1978	Nam	Hà Nội	Khá
46	274/Q4	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/04/1990	Nữ	Lào Cai	Trung Bình
47	275/Q4	Trần Thị	Hương	04/04/1982	Nữ	Hưng Yên	Trung Bình
48	276/Q4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/01/1991	Nữ	Tuyên Quang	Trung Bình
49	277/Q4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/07/1986	Nữ	Hà Nội	Giỏi
50	278/Q4	Nguyễn Phú	Khánh	01/05/1990	Nam	Hà Tĩnh	Giỏi
51	279/Q4	Đỗ Ngọc	Khởi	15/05/1972	Nam	Ninh Bình	Giỏi
52	280/Q4	Dương Minh	Khuê	15/8/1980	Nam	Quảng Bình	Trung Bình
53	281/Q4	Nguyễn Thị Nhiễu	Lam	05/12/1983	Nữ	Đồng Nai	Trung Bình
54	282/Q4	Phạm Thị	Lan	27/07/1990	Nữ	Hà Nội	Trung Bình
55	283/Q4	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	27/01/1992	Nữ	Bắc Ninh	Trung Bình
56	284/Q4	Nguyễn Thị	Lan	09/01/1983	Nữ	Phú Thọ	Khá
57	285/Q4	Hoa Hồng	Lê	2/4/1993	Nữ	TP Vinh	Giỏi
58	286/Q4	Đào Khánh	Linh	29/6/1992	Nữ	Bắc Ninh	Giỏi
59	287/Q4	Trần Thị Mạnh	Linh	01/10/1984	Nữ	Nghệ An	Giỏi
60	288/Q4	Phạm Quang	Linh	03/07/1980	Nam	Thái Nguyên	Trung bình
61	289/Q4	Nguyễn Hoàng	Long	02/11/1988	Nam	Hải Phòng	Trung bình
62	290/Q4	Ninh Việt	Long	01/05/1988	Nam	Phú Thọ	Giỏi
63	291/Q4	Trần Văn	Lực	11/03/1991	Nam	Nam Định	Khá
64	292/Q4	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	18/02/1984	Nữ	Bắc Ninh	Khá
65	293/Q4	Lê Thị	Lý	27/12/1968	Nữ	Thanh Hóa	Giỏi
66	294/Q4	Nguyễn Văn	Lý	18/10/1976	Nam	Thanh Hóa	Khá
67	295/Q4	Lò Thị	Mai	18/06/1990	Nữ	Sơn La	Giỏi
68	296/Q4	Hồ Thị Tuyết	Mai	20/02/1977	Nữ	Bắc Giang	Giỏi

69	297/Q4	Nguyễn Thị	Mai	31/01/1985	Nữ	Hưng Yên	Khá
70	298/Q4	Nguyễn Ngọc	Mạnh	19/05/1978	Nam	Hải Dương	Trung bình
71	299/Q4	Võ Thị	Minh	19/08/1988	Nữ	Nghệ An	Khá
72	300/Q4	Nguyễn Nhật	Minh	24/07/1987	Nam	Bắc Giang	Giỏi
73	301/Q4	Nguyễn Thị	Nga	9/26/1983	Nữ	Hòa Bình	Giỏi
74	302/Q4	Bùi Thị Thanh	Nga	09/09/1984	Nữ	Hưng Yên	Giỏi
75	303/Q4	Nguyễn Kim	Ngân	17/04/1981	Nữ	Hà Nội	Giỏi
76	304/Q4	Hoàng Thị	Ngần	20/09/1989	Nữ	Hưng Yên	Khá
77	305/Q4	Lê Tất	Ngọc	14/09/1970	Nam	Thanh Hóa	Khá
78	306/Q4	Đỗ Thị Bích	Ngọc	01/11/1989	Nữ	Hà Nội	Khá
79	307/Q4	Nguyễn Trọng	Phong	13/5/1984	Nam	Nghệ An	Trung bình
80	308/Q4	Trần Công	Phú	14/08/1978	Nam	Thừa Thiên Huế	Trung bình
81	309/Q4	Nguyễn Mai	Phương	24/11/1988	Nữ	Hà Nội	Khá
82	310/Q4	Nghiêm Hoàng	Phương	06/07/1990	Nam	Thái Nguyên	Giỏi
83	311/Q4	Nguyễn Hồng	Quân	07/12/1983	Nam	Phú Thọ	Trung bình
84	312/Q4	Phạm Đức	Hiển	2/19/1987	Nam	Hải Phòng	Trung bình
85	313/Q4	Nguyễn Hồng	Quân	25/09/1990	Nam	Hà Nội	Giỏi
86	314/Q4	Nguyễn Khắc	Chung	22/08/1985	Nam	Ninh Bình	Giỏi
87	315/Q4	Nguyễn Lệ	Quỳnh	26/09/1988	Nữ	Hà Nội	Giỏi
88	316/Q4	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	29/08/1981	Nam	Hà Nội	Khá
89	317/Q4	Vàng Mí	Sính	20/08/1984	Nam	Hà Giang	Khá
90	318/Q4	Bạch Ngọc	Sơn	20/05/1984	Nam	Huế	Khá
91	319/Q4	Trần Thanh	Sơn	10/11/1967	Nam	Hà Nội	Khá
92	320/Q4	Nguyễn Cao	Sơn	11/01/1976	Nam	Hà Nội	Giỏi
93	321/Q4	Nguyễn Thị	Tâm	16/02/1985	Nữ	Bắc Ninh	Trung Bình
94	322/Q4	Trần Thị	Tâm	7/20/1980	Nữ	Nghệ An	Trung Bình
95	323/Q4	Trần Duy	Tân	17/9/1984	Nam	Hải Phòng	Khá
96	324/Q4	Nguyễn Thị	Tần	13/08/1986	Nữ	Bắc Ninh	Khá
97	325/Q4	Nguyễn Thiện	Thái	24/06/1986	Nam	Thanh Hóa	Giỏi
98	326/Q4	Hoàng Văn	Thái	10/12/1986	Nam	Quảng Ninh	Trung Bình
99	327/Q4	Đinh Văn	Thắng	19/09/1982	Nam	Bắc Ninh	Giỏi
100	328/Q4	Nguyễn Ngọc	Thanh	14/08/1985	Nữ	Hà Nội	Trung Bình
101	329/Q4	Trần Văn	Thanh	25/04/1984	Nam	Nam Định	Trung Bình
102	330/Q4	Nguyễn Phương	Thanh	04/10/1990	Nữ	Hà Nội	Trung Bình
103	331/Q4	Nguyễn Tiến	Thành	22/12/1985	Nam	Yên Bái	Khá
104	332/Q4	Sùng Tất	Thành	14/07/1987	Nam	Hà Giang	Trung Bình
105	333/Q4	Nguyễn Doãn	Thành	20/10/1980	Nam	Hà Nội	Trung Bình
106	334/Q4	Bùi Thị	Thảo	21/09/1983	Nữ	Hưng Yên	Khá

107	335/Q4	Nguyễn Thanh	Thảo	02/07/1982	Nữ	Hà Nội	Khá
108	336/Q4	Lưu Phương	Thảo	30/04/1995	Nữ	Hà Nội	Trung Bình
109	337/Q4	Lương Văn	Thể	10/02/1983	Nam	Bắc Giang	Trung Bình
110	338/Q4	Đỗ Thị	Phú	12/1/1971	Nữ	Phú Thọ	Khá
111	339/Q4	Đinh Công	Thuân	13/07/1979	Nam	Hải Phòng	Giỏi
112	340/Q4	Nguyễn Thị Yên	Thúy	02/07/1983	Nữ	Yên Bái	Khá
113	341/Q4	Hà Thị	Thúy	23/11/1991	Nữ	Hà Nội	Giỏi
114	342/Q4	Hà Thị Thanh	Thủy	11/08/1982	Nữ	Bắc Ninh	Trung bình
115	343/Q4	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	06/03/1982	Nữ	Hà Nội	Khá
116	344/Q4	Nguyễn Lệ	Thủy	27/05/1980	Nữ	Yên Bái	Trung bình
117	345/Q4	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/02/1982	Nữ	Huế	Trung bình
118	346/Q4	Đỗ Thủy	Tiên	08/08/1994	Nữ	Hà Nội	Trung bình
119	347/Q4	Phạm Ngọc	Tiến	04/01/1973	Nam	Ninh Bình	Khá
120	348/Q4	Lương Trác	Tiến	04/10/1988	Nam	Hải Phòng	Giỏi
121	349/Q4	Phạm Xuân	Tiễu	08/08/1977	Nam	Hải Dương	Trung bình
122	350/Q4	Nguyễn Đức	Toàn	14/12/1993	Nam	Hà Nội	Trung bình
123	351/Q4	Đào Đức Song	Toàn	10/04/1992	Nam	Hải Phòng	Trung bình
124	352/Q4	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/11/1984	Nữ	Quảng Ninh	Trung bình
125	353/Q4	Nguyễn Mạnh	Trang	26/03/1978	Nam	Thái Bình	Trung bình
126	354/Q4	Lê Ngọc	Trìu	29/08/1980	Nam	Thái Bình	Trung bình
127	355/Q4	Trần Đức	Trọng	02/11/1987	Nam	Quảng Ninh	Trung bình
128	356/Q4	Nguyễn Thị	Trọng	25/01/1985	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình
129	357/Q4	Trần Văn	Trung	16/06/1984	Nam	Thái Nguyên	Trung bình
130	358/Q4	Nguyễn Văn	Trung	06/05/1982	Nam	Thanh Hóa	Khá
131	359/Q4	Nguyễn Thị	Tú	21/03/1995	Nữ	Thanh Hóa	Giỏi
132	360/Q4	Hoàng Thị	Tư	01/10/1985	Nữ	Hà Nội	Trung bình
133	361/Q4	Trần Thanh	Tùng	13/10/1986	Nam	Hà Nội	Trung bình
134	362/Q4	Nguyễn Hữu	Tuyển	06/12/1985	Nam	Hà Nội	Trung bình
135	363/Q4	Trịnh Hải	Vân	02/12/1995	Nữ	Hà Nội	Trung bình
136	364/Q4	Nguyễn Viết	Vĩ	05/01/1980	Nam	Bắc Ninh	Trung bình
137	365/Q4	Nguyễn Văn	Vũ	29/07/1984	Nam	Bắc Giang	Trung bình
138	366/Q4	Hà Năng	Kỳ	16/05/1986	Nam	Hải Dương	Trung bình
139	367/Q4	Diệp Trung	Tín	26/08/1985	Nam	Bình Dương	Khá
140	368/Q4	Nguyễn Thị	Liên	22/04/1993	Nữ	Hải Dương	Trung bình
141	369/Q4	Lê Kim	Liên	06/11/1980	Nữ	Huế	Trung bình
142	370/Q4	Nguyễn Thị Hương	Giang	5/31/1985	Nữ	Vĩnh Phúc	Trung bình

(Danh sách trên có 142 học viên)